

# CÁI ĐẸP TRONG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA QUA HÌNH TƯỢNG CON NGƯỜI TRONG NGHỆ THUẬT GỐM VIỆT NAM THỜI LÊ SƠ

PHAN THANH SƠN

Email: sonceramic74@gmail.com

Trường Đại học Mỹ thuật Việt Nam

## BEAUTY IN CULTURE LIVING THROUGH THE HUMAN IMAGE IN VIETNAMESE BLUE AND WHITE ART OF EARLY LE DYNASTY

TÓM TẮT

ABSTRACT



Cái đẹp là một phạm trù mỹ học, nó là kết quả của sự phản ánh hiện thực trên các phương diện của quan hệ thẩm mỹ bằng hình tượng nghệ thuật. Ở khía cạnh đời sống văn hóa xã hội, sự phản ánh hiện thực luôn gắn liền với thời điểm lịch sử, cụ thể ở đây là thời Lê sơ. Qua hình tượng con người trong nghệ thuật gốm Việt Nam thời Lê sơ, sự phản ánh đó được biểu hiện ở các phương diện hiện thực đời sống xã hội, giáo dục và tín ngưỡng dân gian.

**Từ khóa:** *Cái đẹp, văn hóa, hình tượng con người, nghệ thuật gốm hoa lam*

Beauty is an aesthetic category; it is the result of a realistic reflection on the aspects of aesthetic relations with artistic images. In terms of social and cultural life, the reflection of reality is always associated with the historical time, namely here in the early Le Dynasty. Through the image of the people in Vietnamese ceramic art in the early Le dynasty, that reflection was manifested in the realistic aspects of social life, education and folk beliefs

**Keywords:** *Beauty, culture, human image, blue and white ceramic art*

Theo *Đại cương lịch sử Việt Nam*, sau khi giành lại đất nước từ tay giặc Minh, Lê Thái Tổ thực hiện cuộc cải cách hành chính, khôi phục và thúc đẩy kinh tế phát triển làm thay đổi cơ cấu xã hội. Từ việc xóa bỏ chế độ phong thái ấp, không để tầng lớp quý tộc thuộc hoàng tộc được ban đất thế nghiệp nắm giữ vai trò chính trị, xã hội thời Lê sơ thu gọn vào hai giai cấp cơ bản là địa chủ phong kiến và nông dân, tầng lớp nô tỳ bị xóa bỏ, tầng lớp thợ thủ công và thương nhân tách ra từ tầng lớp nông dân nhờ chính sách phát triển thương nghiệp, ngoài sự phát triển nghề thủ công và thương nghiệp tại địa phương và các làng nghề tập, triều đình thực hiện việc tập trung thành các phố nghề, đưa Đông Kinh trở thành trung tâm thương mại lớn của cả nước<sup>1</sup>.

Các triều đại thời Lê sơ có mục đích độc tôn Nho giáo, lấy nền tảng là Tống nho, nhưng lại vận dụng theo điều kiện đặc thù của Đại Việt với mục đích tạo sự thống nhất cho một hệ thống tổ chức hành chính của Nhà nước phong kiến quan liêu nhưng có tính tập quyền cao nhằm đảm bảo sự bền vững của nền chính trị trên mọi phương diện. Năm 1429, Lê Thái Tổ ra lệnh cho “các tăng đạo, người nào thông thạo kinh

điển, giữ tiết hạnh cẩn thận... đến sảnh đường trình diện, kiểm xét khảo thí, ai đỗ thì cho làm tăng đạo, ai không đỗ thì bắt hoàn tục”<sup>2</sup>. Thời kỳ này, Phật giáo vẫn tồn tại ở các chùa tại các địa phương, làng xã và giữ vai trò là nhân tố chủ đạo cho đời sống tinh thần của dân gian, còn Đạo giáo thời Lê sơ chủ yếu là Đạo giáo thần tiên và Đạo giáo phù thủy hội với tín ngưỡng dân gian, với nội dung niệm chú, đặt bùa yểm, trừ bỏ tà ma, chữa bệnh cứu người. Đạo giáo thần tiên hấp dẫn giới Nho sĩ bởi tinh thần siêu thoát, phiêu du và tạo cảm hứng sáng tác thơ văn. Do đó, nói xã hội thời Lê sơ là “tam giáo đồng nguyên” là hoàn toàn có cơ sở.

Trên cơ sở cứ liệu lịch sử và các hiện vật gốm Việt Nam thời Lê sơ có hình tượng con người, sự phản ánh hiện thực văn hóa, xã hội thời Lê sơ được thực hiện từ những vấn đề: giáo dục, tôn giáo và tín ngưỡng dân gian, hiện thực đời sống xã hội, sự giao thoa với các yếu tố văn hóa nghệ thuật ngoài Đại Việt.

*Về sự phản ánh hiện thực đời sống trong văn hóa của người Việt thời Lê sơ qua hình tượng con người trong nghệ thuật gốm Việt Nam thời Lê sơ.*

Chiếc nắp hộp có đường kính 27,7cm, cao 6,8cm trình bày bố cục chèo thuyền trong khung cảnh sơn thủy hữu tình, mặt trời lặn trong đám mây vân xoắn cao trên đỉnh núi, chính giữa đĩa là đàn cò bay trên hai người nông phu đang trở về làng. Trên sông hai chiếc thuyền với hai nhân vật ở mỗi chiếc, một người chèo thuyền, một người thả lưới. Góc trái phía dưới của đĩa, một nhân vật khác khum tay như đang gọi thuyền hỏi cá. Toàn cảnh chiếc đĩa trong bối cảnh sông nước, núi non và cả làng ven sông, với 7 nhân vật đã gói gọn nội dung một ngày của cuộc sống thường nhật bình dị nhưng sôi động như bao ngày của người dân Đại Việt, nắng lên đỉnh núi, người nông dân đi làm đồng về, đàn cò bay ngược chiều chuyển động của hai người nông dân như gọi hướng cánh đồng vừa mới được làm của họ, đôi thuyền đánh cá với hai tư thế người thả lưới, người kéo lưới vừa đủ diễn tả cô đọng hoạt động của cuộc sống sông nước, xa xa người gọi hỏi mua cá như sự kết thúc trọn vẹn của nội dung thể hiện. Tất cả 7 nhân vật với 7 hành động khác nhau cùng tổ hợp lại thành một hoạt cảnh lao động đời thường sôi động trong một không gian sơn thủy êm đềm, mặt trời và đàn cò là những tín hiệu của thời gian hết buổi làm đồng người nông dân trở về, cuối buổi đánh cá là thời điểm bắt đầu hoạt động mua bán bằng hình tượng người đứng trên bờ, phía sau thấp thoáng mái đình dưới tán cây cổ thụ. Như vậy, hiện thực cuộc sống thường nhật của người dân Đại Việt được phản ánh trong một tổng thể bố cục với 7 hình tượng con người ở bảy trạng thái hoạt động khác nhau được cô đọng trong sự gọi tả giản lược của kỹ thuật vẽ cô ban trên gốm ẩn hiện dưới lớp men trong của chiếc đĩa là một ví dụ điển hình.

Chiếc đĩa hoa lam có đường kính 23,5cm, cao 5,4cm, giữa lòng đĩa vẽ cảnh đôi trai gái đi thuyền có lọng che nắng trong khung cảnh mênh mông của mây trời và nước, vành ngoài đĩa trang trí hoa cúc dây (Ảnh 2). Hai nhân vật ngồi hai bên chiếc lọng che nắng, người con trai đội mũ đình tự, khuôn mặt bầu bĩnh không râu, mặc áo giao lĩnh, tay phải cầm quạt giấy giờ ngang, chỉ ra đằng trước. Người con gái tóc búi cao mặt nhìn theo hướng tay chỉ của người con trai, mặc áo giao lĩnh, ngoài có áo khoác. Nội dung hoạt cảnh một cuộc du thuyền trên sông nước của một đôi trai gái. Người trai trẻ là kẻ được học hành, phong thái nho nhã, người con gái khuôn mặt bầu bĩnh chỉ điểm mắt, mồm khoác áo khoác như đang du thuyền lăm cảnh buổi giao mùa. Câu chuyện diễn ra từ hướng nhìn và động tác cầm quạt chỉ tay của hai nhân vật như đang tâm tình, thề non hẹn biển.

Hay như trên chiếc đĩa hoa lam đường kính 24, cm, cao 5,4cm trình bày cảnh một người con gái ngồi trước lư trầm trong khung cảnh giản lược vẽ phẩy lá tre. Đặc điểm nhân dạng người con gái tóc dài phủ kín lưng, mặc áo giao lĩnh có quây thường, ống tay áo

rộng, phía trước là lư trầm đang đốt trong khung cảnh mênh mông chỉ giới hạn bởi hai đám lá cây phẩy nét phía dưới và sau lưng. Nội dung như phản ánh tâm tư của một thiếu nữ đài các, mộng mơ trong sự bình lặng đến nhàm chán của một tiểu thư con nhà giàu.

Trên cả hai chiếc đĩa hoa lam, hình tượng con người biểu hiện ở hai nội dung khác nhau, nhưng đều cùng phản ánh một đối tượng con người là tầng lớp người giàu hoặc có gia thế trong xã hội, được biểu hiện bằng một số đặc điểm sau:

*Thứ nhất*, biểu hiện đặc điểm khuôn mặt qua nét vẽ cho thấy, người thợ gốm đang mô tả những khuôn mặt của con người ở độ tuổi mới lớn, khuôn mặt bầu bĩnh, ánh mắt chỉ là một chấm xanh đậm to, tròn, không râu của người con trai là người có học, ăn vận thư sinh cùng chiếc quạt giấy biểu hiện của sự nho nhã. Các nhân vật nữ, người thì búi tóc cao để lộ cổ dài, người thì tóc dài chải phủ mượt kín lưng. Toàn bộ thần thái không cho thấy đây là tầng lớp người lao động bởi sự chau chuốt và thần thái cử chỉ trên khuôn mặt.

*Thứ hai*, trang phục của các nhân vật nữ là áo giao lĩnh vạt dài cùng quây thường và áo khoác là những trang phục dân gian, nhưng là của tầng lớp trên trong dân gian, bởi cũng là trang phục áo giao lĩnh nhưng người nông dân chỉ mặc áo ở dạng tứ thân và váy đụp. Nhân vật thư sinh đội mũ Đình tự, mặc áo giao lĩnh vạt dài, cũng là những tiện phục trong dân gian, nhưng ở người nông dân, họ thường mặc áo giao lĩnh vạt ngắn dạng áo nâu tứ thân, mặc quần lá tọa hay chân què, đơn giản hơn là đóng khố, đầu vấn khăn đầu riêu<sup>3</sup>.

*Thứ ba*, phong thái các nhân vật đều ở trạng thái an nhàn, hưởng thụ, kẻ thì trầm ngâm suy tưởng xa xăm, người thì nói chuyện lãng mạn giữa mây trời sông nước, không phải là phong thái của người lao động lúc thư giãn bên ấm trà xanh và điều thuốc lèo.

Như vậy, hình tượng con người trên hai chiếc đĩa hoa lam này đều phản ánh chung một đối tượng con người thuộc tầng lớp địa chủ hoặc quý tộc sống trong cộng đồng dân dã, nhưng với biểu hiện nét văn hóa của kẻ có học thức và giàu có trong xã hội, phần nào xa lạ với văn hóa làng xã của một xã hội nông nghiệp thời Lê sơ.

*Về sự phản ánh hiện thực giáo dục trong văn hóa thời Lê sơ qua hình tượng con người trong nghệ thuật gốm Việt Nam thời Lê sơ*

Chiếc hộp gốm hoa lam tròn có đường kính 8,5cm, trong bố cục hình tròn trên nắp hộp vẽ một người có nhân dạng thể hiện một người đàn ông búi tóc, trán cao, mắt sáng, râu ba chòm, đọc sách trong một

khung cảnh yên bình của một khoảng rừng. Thời Lê sơ cấm người không phải là sư sãi cạo tóc đầu với quan niệm đó là một hành động xúc phạm danh dự người trưởng thành búi tóc, bọc trong lưới<sup>4</sup>. Việc thiết kế tạo hình các dạng mũ đều phải có phần dành cho búi tóc là vì như thế. Trang phục vẫn là kiểu áo giao lĩnh, lớp áo trong là giao lĩnh vạt ngắn màu trắng, lớp ngoài là giao lĩnh vạt dài màu đen, Đây là hai màu dùng cho những người được trọng vọng<sup>5</sup>. cuốn *Trang phục Việt Nam* của tác giả Đoàn Thị Tình có mô tả trang phục trong phần trang phục nhân dân dưới thời Lê - Mạc - Trịnh - Nguyễn - Tây Sơn có ghi “kê sỹ, thứ dân... mặc áo màu xanh thanh cát, lúc thường mặc áo màu thâm (truy y)” hình thức búi tóc vẫn phổ biến. Cuốn Ngàn năm áo mũ của Trần Quang Đức, phần trang phục dân gian thời Lê sơ được gộp chung cùng thời Lê Trung Hưng. Trong điều kiện các nghiên cứu về lịch sử trang phục Việt Nam, hầu như chủ trọng nghiên cứu các dạng trang phục của tầng lớp trên, mà phần trang phục của dân gian vì một lý do nào đó ví dụ như hạn chế nguồn tài liệu, đối tượng dân gian ít được đề cập đến trong nghệ thuật tạo hình... nên thường rất khái lược. Như vậy, có thể xem như giữa các thời kỳ của lịch sử trang phục vẫn có sự kế thừa và đều có những đặc điểm chung bên cạnh những cải cách mang tính thời đại ở một thời điểm lịch sử cụ thể. Theo đó có thể khảo cứu thêm ở cuốn *Trang phục triều Lê - Trịnh* của Trịnh Vũ có viết “Áo của văn nhân tiên sỹ thì trang phục một cách trịnh trọng hơn... Họ choàng lên tất cả một chiếc áo màu đen”. Theo Trịnh Vũ thì đó là loại áo năm thân của nam giới được mặc kếp nhiều lớp với lớp áo lót màu trắng, bên ngoài là loại áo the đen, rộng, không thắt đai, tay áo rộng và dài<sup>7</sup>.

Trong xã hội Nho giáo thời Lê sơ, việc học hành khoa cử là định hướng cũng như cơ hội đổi đời cho tất cả các tầng lớp trong dân, những người được trọng vọng ở ngữ cảnh này, về nghĩa rộng là những người có chữ thánh hiền, trong làng ông đồ dạy học là người được trọng vọng, nghĩa hẹp là những người đỗ đạt khoa cử vinh quy bái tổ, được làm quan, là người được trọng vọng... trong nghệ thuật tạo hình dân gian, từng đôi tượng phản ánh đều có những đặc điểm để phân biệt qua các chi tiết. Kê hèn (ông đồ) luôn có dáng cúi khom vát vả, người sang luôn được chau chuốt đặc biệt khuôn mặt và trang phục với những dáng đứng, ngồi kiểu cách.

Theo phân tích trên thì ở hình tượng người đàn ông trong chiếc đĩa hoa lam từ đặc điểm nhân dạng từ thân thái, kiểu tóc đến trang phục mang nét đặc trưng trong thể hiện “người được trọng vọng”. Con người này lại ngồi đọc sách với dáng vẻ thanh thản trong khung cảnh tĩnh lặng chỉ có tiếng xào xạc của lá rừng, một dấu hiệu đặc trưng của một nhà nho thuần khiết thích nơi tĩnh lặng, xa rời những ồn ào nhân thế, như thể ở ẩn để chuyên tâm vào những lời răn dạy của thánh

hiền hòng trước là tu thân rồi mới đến các mục đích cao cả của tư tưởng Nho giáo “tề gia, trị quốc, bình thiên hạ”.

Như vậy, bằng cảm nhận thị giác sự thể hiện của nét vẽ cho thấy đây là hình tượng của một học giả hay một nho sỹ. Dù đang dùng mài kính sử hay đã thi đỗ làm quan, hoặc giả hình tượng một vị quan về ở ẩn..., thì đây vẫn là sự phản ánh rõ nét hiện thực giáo dục trong đời sống văn hóa xã hội thời Lê sơ qua hình tượng con người được thể hiện trên chiếc đĩa hoa lam thời Lê sơ.

*Về sự phản ánh tôn giáo tín ngưỡng trong văn hóa của người Việt thời Lê sơ qua hình tượng con người trong nghệ thuật gốm Việt Nam thời Lê sơ.*

Trong bố cục hình tròn của lòng đĩa, phần trung tâm là một hình vẽ dạng người mặc áo, ngồi xếp bằng trong bối cảnh phía trên nghiêng về bên trái mô tả ánh trăng lặn trong mây, hai bên sát mép đường tròn cô ban phẩy lá tre. Dạng người ở đây về tổng quan có một số sự khác biệt với nhân dạng con người. Trước hết là ở phần đầu. Phần đầu nếu nhìn thoáng qua, dường như đây là sự mô tả một chiếc mũ có vành tròn, thân mũ thuôn tròn nhỏ dần lên đến đỉnh và chia múi đôi, dưới mũ phẩy hai nét cong tròn bị ngắt bởi vành mũ rồi hợp nhau tại điểm giữa đồng trục với sự chia múi và có dáng như quả đào lộn ngược và không có vẻ gì là gợi tả khuôn mặt. Quan sát kỹ cho thấy, toàn bộ phần đầu được mô tả mang đậm nét tương đồng với sinh thực khí của đàn ông. Tiếp đến phần thân có vạt trang phục dạng áo giao lĩnh, nhưng không phải là vạt chéo mà lại xếp cong theo đường trục người giống kiểu áo sơ mi ngày nay. Hai tay áo rộng lụng bùng không để lộ bàn tay. Phần dưới là hình chân ngồi xếp bằng nhưng lại ngược với hướng mặt. Nơi tiếp giáp thân và chân lại khoanh tròn đôi tạo thành một khoảng trống liên kết với thân. Các nét vẽ phần đáy tòa đều hai bên như gợi hình hoa lá. Phía trên đỉnh mũ có một chấm tròn to khuất sau mũ với nhiều tua tỏa đều từ tâm ra. Biểu hiện bằng hình vẽ trên cho thấy, từ phần đầu, phần thân đến phần chân và nhịp điệu chuyển động của hình tạo liên tưởng tới thủ pháp lòng hình trong hội họa. Chấm xanh cô ban đậm to với nhiều tua tỏa đều trên đỉnh đầu và đầu tạo nên một sự tương phản rõ rệt. Phần thân mang dáng dấp của áo giao lĩnh nhưng không chéo vạt mà xếp vạt chạy vào giữa thân, hai tay áo lụng thùng như mô tả sự vô thức của chuyển động tay vung vẩy ở tư thế thả lỏng. Phần tư thế ngồi tựa như gợi tả hình lá sen ở trạng thái tự nhiên. Tổng thể hình tượng cho thấy như có sự lồng ghép của hai cơ thể con người chuyển động cùng những động tác và tư thế theo một nhịp. Khi liên hệ với hình tượng lin g-yoni trong mỹ thuật Chăm pa cho thấy có sự tương đồng trong tạo hình ở phần đầu, phần tiếp giáp thân - chân và hình dáng ngồi. Tìm trong các hình thức tín ngưỡng phồn thực của người Việt cho thấy, hình tượng này có nhiều điểm tương đồng trong các mô tả

về thần tích ông Đùng - bà Đà. Ông Đùng, bà Đà là hai nhân vật truyền thuyết trong tín ngưỡng dân gian thờ “dâm thần” ở nhiều vùng như Hưng Yên, Thái Bình của Việt Nam. Theo *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam* thì đây là hai nhân vật được thờ làm thành hoàng làng Đông An (Hưng Yên). Vào thời Ngô Quyền, ông Đùng, bà Đà là hai chị em lớn tuổi rồi mà chưa lập gia đình. Họ cùng giao kết là tách nhau ra đi quanh núi gặp ai sẽ lấy người đó. Nhưng họ chẳng gặp được ai mà lại gặp nhau. Cho đó là số trời sai khiến, họ lấy nhau và sau đêm tân hôn, cảm giác tội lỗi loạn luân làm bà Đà nhiều lần bỏ trốn, ông Đùng lại đi tìm về. Tin đến tai vua và hai ông bà bị hành hình. Vì hồn của họ rất thiêng nên dân trong làng lập đền thờ và mở hội hàng năm từ mùng 6 đến mùng 10 tháng Ba âm lịch với những hành động được cho là thiêng liêng, tái hiện đêm tân hôn của hai người. Thêm vào đó, họ cắt từng bộ phận của tượng, hay còn gọi là nghi lễ hiến sinh đôi trai gái đang trong trạng thái giao hoan cùng cực để dâng lên vị thần nông nghiệp. Rồi họ cắt đầu tượng Ông nhét vào âm vật của tượng Bà khi diễn lại cảnh hành hình hai người.

Yếu tố phồn thực thể hiện trong lễ hội là hành động hai hình nhân ông Đùng - bà Đà công khai ôm chầm lấy nhau tỏ rõ sự hoan lạc của quan hệ nam nữ trong đám rước mà người dân vẫn gọi là múa “hèm”. Khi đó, nam nữ trong làng cũng được tự do quan hệ yêu đương, bất kể đã có gia đình, trong đêm làm lễ triệt đấng<sup>8</sup>.

Tương tự, tại làng Quang Lang, xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, hàng năm vẫn tổ chức lễ hội Đùng vào ngày 12-14/4 âm lịch. Tục chính của lễ hội là múa Đùng được diễn ra vào lúc nhập nhoạng tối cùng ngày với các nghi lễ phồn thực tương tự như ở làng Đông An, Tiên Lữ, Hưng Yên<sup>9</sup>.

Tục thờ các hành vi giao phối với các nghi thức và trò diễn phản ánh hành động tính giao nam nữ đã bộc lộ công khai và nguyên hình cổ tục phồn thực dưới dạng nguyên thủy nhất, thể hiện ước vọng sinh sôi nảy nở, an khang, vật thịnh của những người nông dân trong xã hội cổ truyền. Theo Ngô Đức Thịnh, tục thờ ông Đùng - bà Đà thể hiện sự chông xếp của nhiều tầng văn hóa, mà tầng sâu nhất là nghi lễ hiến sinh đôi trai gái đang ở trạng thái giao phối dâng cho vị thần nông nghiệp, cầu mong sinh sôi. Ở phương diện luân lý đạo đức, dưới con mắt nghiêm khắc của tầng lớp nho học thì đây là một nghi thức phê phán tội loạn luân. Trong con mắt hồn nhiên, trần tục của người nông dân thì tín ngưỡng và nghi thức lễ hội thuần túy mang ước vọng sinh sôi, bội thu<sup>10</sup>.

Trở lại biểu hiện của hình tượng trên chiếc đĩa hoa lam, khi liên hệ với truyền thuyết và nghi lễ ông Đùng - bà Đà, có những điểm tương đồng như sau:

*Thứ nhất*, bối cảnh diễn ra nghi lễ phồn thực ông Đùng-bà Đà diễn ra vào thời điểm là ban đêm từ mùng 6-10/3 âm lịch (Hưng Yên) và 12-14/4 âm lịch (Thái Bình), cận rằm, hình mặt trăng chưa tròn. Ở góc phải mép trên của đĩa vẽ một hình tròn và nét phẩy gợi mây là mặt trăng, không thể là mặt trời bởi, hình tượng mặt trời cũng có sự phụ trợ của các vân mây nhưng ở dạng mây lửa nhiều góc nhọn thể hiện tính dương cũng như sức nóng của mặt trời. Về không gian, trong sự tranh sáng tranh tối của thời điểm nhập nhoạng và ban đêm, trên đĩa chỉ gợi mấy nét phẩy lá tre ở hai bên mép đĩa, tượng trưng cho không gian nông thôn làng quê. Như vậy có sự tương đồng về bối cảnh ở cả không gian và thời gian.

*Thứ hai*, chi tiết phân tách giữa thân và phần dưới, khi liên hệ với hình tượng lin ga, yony của mỹ thuật Chăm pa có sự trùng khớp về kết cấu tạo hình: lin ga được dựng đứng ở chính giữa phần lõm của yony. Chi tiết này cũng làm liên tưởng đến nghi thức “chặt đầu ông Đùng rồi đút vào âm vật của tượng bà Đà. Điểm khác biệt chỉ là hình đầu ở đây là đầu dương vật tạo hình phỏng theo hiện thực và phần nào mang phong cách tạo hình Chăm pa ở sự cân đối và cách điệu. Thêm vào đó là chi tiết chằm xanh đậm tròn to với một chằm trắng ở giữa có nhiều tua nét phẩy, trong mỹ thuật dân gian truyền thống đây là hình thức phản ánh bộ phận sinh dục nữ được thể hiện rất rõ trong mỹ thuật dân gian thế kỷ XVIII- XIX. Chi tiết này đặt lòng hình ngay sau đầu của hình tượng như sự thể hiện hành động giao phối dưới góc nhìn thẩm mỹ mộc mạc đến trần tục của người nông dân Việt Nam.

*Thứ ba*, trong nghi thức lễ hội, có diễn cảnh hành hình chặt chân, chặt tay các nhân vật. Hình tượng trên chiếc đĩa không thể hiện chi tiết chân, tay. Ở vị trí đó là sự bùng nhùng của ống tay áo như che đi phần cơ thể bị chặt bỏ, hoặc như phần da co lại ở vị trí bị cắt rời.

*Thứ tư*, nghi thức múa lễ hội làm sao để hai tượng hòa vào nhau, thể hiện hành vi giao phối trong nghi lễ hiến sinh nông nghiệp. Hình tượng trên đĩa ở phần thân thể hiện đường ghép đôi uốn theo trục của hình, Phần tay vung vẩy lên xuống tượng cho động tác nhịp nhàng của hành động giao phối.

*Thứ năm*, trong truyền thuyết, các phần cơ thể của ông Đùng - bà Đà bị ném xuống ao. Trong lòng chiếc đĩa hoa lam, nét vẽ thể hiện phần thân dưới của hình tượng mang hình một loại lá cây sống dưới nước như lá sen hay lá súng, phía dưới lại gợi những nét kỹ hà đậm, to như giả định chia hai phần bờ ao và mặt nước.

Qua một số minh chứng nêu trên, dưới góc độ của quan hệ thẩm mỹ có thể thấy rằng cái đẹp trong đời sống văn hóa của người Việt thời Lê sơ được khắc họa tương đối đầy đủ qua hình tượng con người

## ARTS

trong nghệ thuật gốm Việt Nam thời Lê sơ bởi sự phản ánh của người nghệ sỹ dân gian - người thợ gốm - chủ thể sáng tạo, đã phác họa tương đối đầy đủ những gì diễn ra trong một ngày của đời sống bình dân với đầy đủ các thành phần nông, ngư, thương gắn liền với môi trường tự nhiên nuôi sống họ. *Cái đẹp trong đời sống* thường nhật hiện ra giản dị như chính bút pháp thể hiện của người thợ gốm, không lệ thuộc vào những quy chuẩn kỹ thuật công bút hay phóng bút của lối vẽ thủy mặc hàn lâm, mà bình dị như chính con người nông dân trong con người thợ gốm. *Cái đẹp trong văn hóa khoa cử thời Lê sơ*. Sự nghiệp đèn sách cũng là một cái đẹp trong đời sống xã hội. Thời Lê sơ, nhờ chính sách phát triển nông nghiệp, đời sống giai cấp nông dân, thành phần chiếm tuyệt đại đa số trong xã hội được cải thiện và một bộ phận nông dân có điều kiện học hành. Con đường khoa cử là một lựa chọn để họ đổi đời. Tín ngưỡng và tôn giáo là cội nguồn cho sự ra đời của các nền văn minh của loài người. Tín ngưỡng tôn giáo là chỗ dựa vững chắc cho đời sống tinh thần của con người, là cơ sở để con người lý giải các vấn đề ngoài tầm nhận thức. Đời sống tín ngưỡng tôn giáo cũng là một biểu hiện của cái đẹp của hiện thực đời sống văn hóa với đặc trưng biểu hiện cơ bản là tín ngưỡng tôn giáo “đa thần”, đặc biệt là tín ngưỡng phồn thực của cư dân nông nghiệp lúa nước. *Cái đẹp trong đời sống văn hóa tín ngưỡng, tôn giáo thời Lê sơ* gắn liền với cuộc sống nông nghiệp, gắn liền với sự khắc nghiệt của điều kiện tự nhiên, ước muốn sự sung túc là ước muốn ngàn đời của họ, họ không mấy quan tâm các vấn đề luân thường hay đạo lý, cái họ quan tâm là tất cả những gì gắn với sự sinh sôi đều được nâng lên thành thần để thờ cúng như sự tự an ủi họ khi phải gánh chịu những hậu quả của thiên tai, cũng như để nhân đôi niềm hoan khi họ được mùa. Đây có thể được xem là minh chứng điển hình cho sự biểu hiện của cái đẹp trong văn hóa tín ngưỡng tôn giáo qua hình tượng con người trong nghệ thuật gốm Việt Nam thời Lê sơ.

## CHÚ THÍCH

- <sup>1</sup> Trương Hữu Quýnh (chủ biên). 1999. *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1*. NXB Giáo dục. Tr 330
- <sup>2</sup> *Đại Việt sử ký toàn thư (2011)*. NXB Thời đại. tr 531
- <sup>3</sup> Trịnh Vũ (2008). *Trang phục triều Lê- Trịnh*. NXB Bách khoa. tr 292, 293
- <sup>4</sup> Trần Quang Đức (2017). *Ngàn năm áo mũ*. NXB Thế giới. tr 246, 247
- <sup>5</sup> Trần Quang Đức (2017). *Ngàn năm áo mũ*. NXB Thế giới. tr 243
- <sup>6</sup> Đoàn Thị Tinh (2006). *Trang phục Việt Nam*. NXB Mỹ thuật. tr 63
- <sup>7</sup> Trịnh Vũ (2008). *Trang phục triều Lê- Trịnh*. NXB Bách khoa. tr 298
- <sup>8</sup> Ngô Đức Thịnh (chủ biên). 2012. *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*. NXB trẻ. Tr 252, 253
- <sup>9</sup> *Những lễ hội cổ xưa đậm màu sắc phồn thực của người Việt* <https://dantri.com.vn>
- <sup>10</sup> Ngô Đức Thịnh (chủ biên). 2012. *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*. NXB trẻ. Tr 252, 253.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Đại Việt sử ký toàn thư (2011)*, Nxb Thời đại.
2. Trần Quang Đức (2017), *Ngàn năm áo mũ*, Nxb Thế giới.
3. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) (1999), *Đại cương lịch sử Việt Nam, tập 1*, Nxb Giáo dục.
4. Ngô Đức Thịnh (chủ biên) (2012), *Tín ngưỡng và văn hóa tín ngưỡng ở Việt Nam*, Nxb trẻ.
5. Đoàn Thị Tinh (2006), *Trang phục Việt Nam*, Nxb Mỹ thuật.
6. Trịnh Vũ (2008), *Trang phục triều Lê - Trịnh*, Nxb Bách khoa.
7. *Những lễ hội cổ xưa đậm màu sắc phồn thực của người Việt*, <https://dantri.com.vn>